

# Nâng cao chất lượng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một

Nhâm Văn Sơn\*

\*ThS. GV Trường Đại học Thủ Dầu Một

Received: 4/6/2024; Accepted: 13/6/2024; Published: 15/6/2024

**Abstract:** Assessment is the final key step of the teaching process. This is also an important step that greatly impacts the process of improving training quality. Objective, serious, correct, and directed assessment and evaluation will be a strong driving force to encourage students' progress in learning, promoting their continuous creative exploration.

**Keywords:** Test; Evaluate; learning outcomes; quality

## 1. Đặt vấn đề

Kiểm tra, đánh giá (KT – ĐG) kết quả học tập (KQHT) là một khâu quan trọng được trong quá trình đào tạo. Thực tế cho thấy, một số sinh viên (SV) đã tốt nghiệp vẫn chưa được xin được việc làm do không đủ năng lực để phục vụ các nhiệm vụ thực tế. Vì vậy, ĐG KQHT là một vấn đề rất đáng quan tâm.

ĐG quá trình học tập phải được thể hiện thông qua bảng điểm của SV và hệ thống chuẩn mực dùng để xác định các điểm số đó. Điểm số tự thân nó cao hay thấp không phải là một vấn đề, mà vấn đề ở chỗ chất lượng của hệ thống xác định nó. Chất lượng càng cao mức độ chuẩn hoá càng lớn, khả năng quốc tế hoá nền giáo dục đó càng rộng. Trước yêu cầu hội nhập càng đến gần, việc nâng cao chất lượng KT, ĐG và nhanh chóng hoàn thiện một hệ thống ĐG KQHT chất lượng cao là yêu cầu tất yếu. Đối với bậc đào tạo sau đại học của các trường đại học vấn đề này lại càng quan trọng hơn.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Thực trạng hệ thống ĐG KQHT của SV ở Trường Đại học Thủ Dầu Một hiện nay

Bắt đầu từ năm học 2018 – 2019, KQHT của các môn học được ĐG theo thang điểm 10 với các điểm bộ phận như sau: 50% ĐG quá trình và 50% ĐG kết quả thi kết thúc học phần.

**2.1.1. Đánh giá tính chuyên cần của SV:** Để ĐG tính chuyên cần của SV, giảng viên (GV) dựa vào số buổi tham gia lớp học của SV và tinh thần tham gia của SV trong các tiết học và các giờ thảo luận. SV tham gia lớp học để nghe GV hướng dẫn những nội dung cơ bản của môn học. Trên cơ sở đó, SV tự nghiên cứu và trình bày ý kiến trong buổi thảo luận. Vì vậy, việc ĐG tính chuyên cần sẽ tạo điều kiện cho SV nắm được những nội dung cơ bản của môn học và định hướng tự nghiên cứu cho mình.

### 2.1.2. Đánh giá kết quả KT giữa học phần

GV có thể KT nhiều lần trong quá trình học với thời gian và hình thức thích hợp. Thời lượng cho bài KT giữa kì có thể cả tiết học hoặc ngắn hơn. Việc KT như vậy sẽ giúp GV hiểu được trình độ học tập của SV và giúp SV tích cực hơn trong học tập.

Với nhiều môn học, GV ĐG kết quả giữa kì dựa trên trình bày của cá nhân và nhóm về từng vấn đề được phân công. Hình thức này giúp SV có các kỹ năng (KN) làm việc theo nhóm, tranh luận, trao đổi trong quá trình chuẩn bị và tăng cường khả năng thuyết trình của SV trước đám đông.

### 2.1.3. Đánh giá kết quả thi kết thúc học phần

- Có 2 hình thức chính là các bài thi viết (Trắc nghiệm khách quan, tự luận ở hai dạng được tham khảo tài liệu hoặc không) và thi vấn đáp.

- Về quy trình ra đề thi, sử dụng ngân hàng đề thi, nhân đề thi, coi thi, chấm bài thi, lưu giữ bài thi... Thi tuân theo quy định của nhà trường.

**2.1.4. Những bất cập phát sinh:** Thực tế hiện nay, mặc dù phương pháp ĐG đã có nhiều cải tiến tích cực nhưng vẫn còn nhiều vấn đề cần phải bàn để tiếp tục hoàn thiện:

- Hình thức thi và KT: chưa phong phú, chủ yếu vẫn là thi và KT viết.

- Phạm vi thi và KT: vẫn còn tình trạng một số môn học giới hạn phạm vi quá hẹp trên một diện rất rộng kiến thức SV được học, do đó dẫn tới tình trạng SV học tủ, học lệch, học đối phó.

- Nội dung thi và KT: các câu hỏi thi và KT còn nhiều trùng lặp, thiếu sáng tạo. Nhiều câu hỏi chủ yếu là tái hiện kiến thức lý thuyết, thậm chí ra đúng như đề mục trong bài, vì vậy nhiều SV bỏ tiết không đi học nhưng vẫn thi được là nhờ học thuộc lòng (học vẹt, không cần hiểu) hoặc quay cốp.

- Bên cạnh đó vẫn còn có tình trạng (mặc dù rất là

cá biệt) GV, khoa, Chương trình đào tạo (CTĐT) do chạy theo thành tích nên dẫn tới tâm lý dễ dãi trong vấn đề ĐG SV, ảnh hưởng đến tính thi đua trong SV và giữa các khoa, CTĐT.

- Vấn đề tùy tiện trong cách ĐG KQHT. Kết quả là hệ thống điểm số ĐG khác nhau không chỉ xảy ra ở cấp trường, cấp khoa, CTĐT, mà cả giữa các GV trong từng bộ môn.

- Phương pháp ĐG SV chưa thực sự chủ động. Việc ĐG SV của mỗi GV chưa thực sự đồng nhất, còn nhiều sai biệt khác nhau, có môn thì quá chặt, có môn thì quá lỏng.

- Tâm lý dễ dãi trong vấn đề ĐG SV của mình, ảnh hưởng đến tính động viên thi đua trong SV và giữa các CTĐT. Kết quả mô hình học tù, thi tù, giới hạn chương trình thi, ra đề tù, đến phương pháp học tù xuất hiện, nhiều SV tốt nghiệp với điểm cao nhưng lại không đáp ứng được yêu cầu thực tế, gây khó khăn cho việc tuyển dụng và tốn kém chi phí để đào tạo.

## 2.2. Biện pháp nâng cao chất lượng KT, ĐG KQHT

Tại hội nghị của Hội Tâm lý học Mỹ năm 1948, B. S. Bloom đã chủ trì xây dựng một hệ thống phân loại các mục tiêu của quá trình giáo dục. Ba lĩnh vực của các hoạt động giáo dục đã được xác định, đó là lĩnh vực về nhận thức, KN và thái độ.

- Lĩnh vực nhận thức: Thể hiện ở khả năng tư duy, suy nghĩ, lập luận, suy luận... bao gồm việc thu thập các sự kiện, giải thích, lập luận theo kiểu diễn dịch và quy nạp và sự ĐG có phê phán.

- Lĩnh vực KN: đòi hỏi sự khéo léo về chân tay, sự phối hợp các cơ bắp từ đơn giản đến phức tạp và mối qua hệ giữa các quá trình tâm lý và quá trình vận động thực hiện các thao, động tác.

- Lĩnh vực cảm xúc: liên quan đến những đáp ứng về mặt tình cảm, cảm xúc bao hàm cả những mối quan hệ như yêu ghét, thái độ nhiệt tình thờ ơ, quan tâm...cũng như sự cam kết với một nguyên tắc và sự tiếp thu các lý tưởng.

Các lĩnh vực nêu trên không hoàn toàn tách biệt hoặc loại trừ lẫn nhau mà gắn kết, hỗ trợ nhau hình thành phẩm chất và năng lực của mỗi cá nhân.

## 2.3. Đánh giá truyền thống và đánh giá thực

### 2.3.1. Đánh giá truyền thống

Hiện nay phương pháp ĐG truyền thống vẫn có những ưu điểm của nó (có thể ĐG hiệu quả của quá trình nhận thức của SV, và cũng có thể tái nhận hay tái hiện một vấn đề gì đó trong cuộc sống thực. Thí dụ, mục tiêu của bài học chỉ là nắm vững kiến thức nào đó, thì một vài câu hỏi nhiều lựa chọn hoặc câu

trả lời ngắn có thể ĐG được mức độ đạt mục tiêu này.) do đó cần tiếp tục duy trì. Trong mô hình ĐG truyền thống, SV ít có cơ hội để trình diễn những gì họ học được bằng nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, đề thi được thiết kế tốt cho phép xác định vị trí của từng SV so với những SV khác trong cùng một lĩnh vực.

- Áp dụng nhiều hình thức thi kiểm tra một cách linh hoạt phù hợp, như: thi viết, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm.....Mỗi hình thức có những ưu nhược điểm riêng. Tùy vào đặc trưng môn học, khối lượng kiến thức, đặc trưng nghề nghiệp tương lai của SV, mà chúng ta có sự lựa chọn, phối hợp vận dụng linh hoạt các hình thức phù hợp nhằm đạt được hiệu quả cao và công bằng.

- Nếu GV trong quá trình dạy học tập trung chủ yếu vào các mẫu kiến thức sẽ được thi thì việc trình diễn tốt kiến thức có liên quan tới những mẫu đó không có nghĩa đã phản ánh kiến thức về toàn bộ môn học. Do vậy, những mẫu kiến thức sẽ có trong bài thi bao giờ cũng được bảo mật nghiêm ngặt, và kết quả là GV không được phép dạy cụ thể những gì sẽ thi.

- Nội dung thi phải đảm bảo toàn diện, gắn lý luận với thực tiễn, tránh tình trạng tái hiện đơn thuần lý thuyết và thiếu tính vận dụng sáng tạo, nhằm hướng đến mục đích vừa kiểm tra được trên diện rộng những kiến thức cơ bản mà SV cần nắm, vừa tạo điều kiện cho người học được rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ và được bộc lộ các khả năng tư duy phong phú của mình.

- Tránh tình trạng chạy theo thành tích mà “vượt rào” các quy chế, nội quy thi và kiểm tra, làm ảnh hưởng đến sản phẩm đào tạo, ảnh hưởng đến thương hiệu mà trường đang cố gắng tạo dựng.

- Theo tôi hệ thống điểm số đánh giá khác nhau là do chúng ta chưa xây dựng được “Chuẩn” (Mặc dù đã có chuẩn đầu ra KAS)

Nhắc lại điểm số tự thân nó cao hay thấp không phải là một vấn đề, mà vấn đề ở chỗ chất lượng của hệ thống xác định nó.

Đối với bất kỳ kiểu ĐG nào việc đầu tiên quan trọng nhất là phải xác định chúng ta định kết thúc ở đâu, SV phải làm gì sau một giai đoạn học tập. Một bài ĐG không thể cung cấp những thông tin có giá trị nếu nó không đo được cái định đo. Do vậy, nếu không xác định được rõ mục đích, mục tiêu của việc học tập thì mọi bước tiếp theo đều vô ích.

- *Chuẩn* chính là lời tuyên bố về cái SV cần biết và có thể làm được. Tuy nhiên, so với mục đích,

*chuẩn* có phạm vi hẹp hơn, dễ thay đổi hơn trong cách ĐG.

Sứ mạng (Chuẩn đầu ra) là tuyên bố rộng và chung nhất của một trường đại học về những gì SV của họ cần biết và có thể làm được khi ra trường. Sứ mạng được công bố cho toàn thể xã hội biết về tôn chỉ, mục đích giáo dục của nhà trường đó.

- *Mục đích* hẹp hơn sứ mạng song vẫn đủ rộng cho một bài học hay cấp học, xác định những kỳ vọng chung đối với SV. *Sứ mạng* và *mục đích* thường chỉ cung cấp những kỳ vọng mang tính định hướng, không đo lường ĐG và quan sát được.

*Mục đích* được chia nhỏ hơn thành các *chuẩn*. Nếu mục đích là những kỳ vọng chung cho một cấp học thì *chuẩn* có xu hướng cụ thể hoá cho một lớp học ứng với một đơn vị nội dung (1-2 chương) và một đơn vị thời gian (2-3 tuần). “Chuẩn” phải có tính bao quát cao trên nhiều mặt, phản ánh chính xác năng lực của SV, phù hợp với các chuẩn mực khoa học theo từng học phần, thống nhất giữa các trường ở trong nước. Trên cơ sở đó tùy theo yêu cầu của mỗi giai đoạn và đặc thù riêng có, mỗi trường có thể được gia giảm thêm một biên độ hợp lý.

Việc KT – ĐG KQHT là một khâu trọng yếu chỉ được tiến hành thông qua những hình thức truyền thống như các câu hỏi trắc nghiệm khách quan hoặc trắc nghiệm tự luận. Những bài KT – ĐG kiểu này chỉ đòi hỏi SV miêu tả lại những sự kiện riêng rẽ, hiếm khi yêu cầu SV vận dụng những kiến thức đã học vào một tình huống thực trong cuộc sống.

### 2.3.2. Đánh giá thực

- *ĐG thực là gì*: ĐG thực là một hình thức ĐG trong đó người học được yêu cầu thực hiện những nhiệm vụ thực sự diễn ra trong cuộc sống, đòi hỏi phải vận dụng một cách có ý nghĩa những kiến thức, KN thiết yếu

- Ưu việt của ĐG thực: ĐG thực yêu cầu SV thể hiện sự hiểu biết thông qua việc hoàn thành 1 nhiệm vụ. ĐG thực yêu cầu SV trình diễn năng lực của họ trong 1 công việc cụ thể. ĐG thực thường yêu cầu SV phải phân tích, tổng hợp một cách có phê phán những kiến thức họ học được trong bối cảnh thực và trong quá trình đó họ sáng tạo ra ý tưởng mới. ĐG truyền thống và ĐG thực không loại trừ nhau, mà ngược lại, bổ sung cho nhau nhằm ĐG một cách toàn diện và chính xác nhất việc đạt mục tiêu của chương trình khoá học, môn học hay bài học. Mục tiêu của chương trình khoá học, môn học hay bài học có thể ở nhiều lĩnh vực khác nhau (nhận thức, tình cảm, KN, năng lực v.v.) và cũng không phải mục tiêu nào cũng

yêu cầu SV phải trình diễn năng lực vận dụng kiến thức hay KN.

### 3. Kết luận

ĐG truyền thống dùng để ĐG sự tiếp nhận kiến thức, KN của SV và thường được xây dựng từ những câu hỏi nhiều lựa chọn và một số câu tự luận kiến tạo. ĐG thực không loại trừ ĐG truyền thống mà chỉ là sự bổ sung hoàn hảo giúp người dạy cũng như người học gắn kết những kiến thức, KN được học trong trường với cuộc sống thực, giúp người học có ý thức hơn với những nhiệm vụ mà họ sẽ phải thực hiện khi tốt nghiệp. Để thực hiện được kiểu ĐG thực trong đào tạo thạc sĩ ở Trường ĐH Thủ Dầu Một, người lãnh đạo phải thể hiện quyết tâm chính trị của mình, hỗ trợ GV, SV thay đổi cách dạy, cách học, loại bỏ cách KT, ĐG theo những mục tiêu hạn hẹp, lạc hậu. Đổi mới KT, ĐG phải bắt đầu từ việc xác lập những mục tiêu học tập gắn chặt với đời sống thực, từ đó phát triển đội ngũ, đổi mới chương trình, tài liệu học tập.

Nâng cao chất lượng giảng dạy là một vấn đề cấp thiết. Tuy nhiên, không phải vì thế mà chúng ta phải tiến hành một cách vội vàng, mà phải coi đó là phương châm giáo dục, là chiến lược giáo dục cần kiên trì thực hiện lâu dài đồng bộ. Đặc biệt, nếu được các cấp lãnh đạo quan tâm đầu tư thích đáng, được cán bộ giáo viên nhận thức sâu sắc và hưởng ứng hợp tác thì chắc chắn sẽ thành công.

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ*, Hà Nội.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư Số: 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn ĐG chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*, Hà Nội.

3. Đại học Quốc gia TP.HCM (2016), *Tài liệu hướng dẫn Tài liệu hướng dẫn ĐG chất lượng cấp chương trình theo tiêu chuẩn AUN – QA (phiên bản 3.0)*, Nxb ĐHQG-HCM.

4. Trường Đại học Thủ Dầu Một (2021), *Quyết định số 1945/QĐ-ĐHTDM Về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Thủ Dầu Một*, Bình Dương.

5. Trường Đại học Thủ Dầu Một (2021), *Quyết định số 406/QĐ-ĐHTDM về việc ban hành quy chế đào tạo trực tuyến trên hệ thống e-learning và microsoft teams*, Bình Dương.